



Màu sắc của tam giáo trong dự báo Việt (Khảo sát trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam)

Trần Thị Thanh Nhị

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 26/6/2024

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 22/7/2024

Ngày nhận đăng: 29/7/2024

Ngày xuất bản: 20/6/2026

Từ khóa:

Dự báo;

Tam giáo;

Thiên mệnh;

Ma thuật;

Bùa chú.

TÓM TẮT

Nhu cầu được dự báo là một tâm thức mang tính nhân loại. Dự báo rất đa dạng về loại hình nhưng có thể xếp vào một số nhóm lớn như quan sát những hiện tượng thiên nhiên có sẵn; tiếp xúc với thế giới siêu nhiên thần thánh; tạo ra hệ thống các phương pháp để đoán tương lai. Sự phong phú trên bắt nguồn từ sự đa dạng của các nền văn hoá. Một trong những cơ sở, tiền đề nền tảng cho sự hình thành dự báo Việt nói chung và dự báo trong văn xuôi tự sự trung đại nói riêng là Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo. Chúng biểu hiện vào văn học ở hệ thống nhân vật mang chức năng dự báo; các tư tưởng, triết lý; thực hành tâm linh dự báo. Xuất phát từ việc tiếp nhận tam giáo, nhất là Đạo giáo trên nền văn hoá bản địa cơ tầng Đông Nam Á nên biểu hiện của nó vào dự báo Việt mang đậm dấu ấn văn hoá, lịch sử nước ta.

1. DẪN NHẬP

Dự báo là một hoạt động phổ biến trong các nền văn hoá nhằm tránh hoạ cầu phúc được phát triển từ thời nguyên thủy, trung cổ, một số hình thức dự báo vẫn được tồn tại và sử dụng đến ngày nay. Sự đa dạng của các nền văn hoá là một trong những nguyên nhân tạo nên sự phong phú, sinh động và phức tạp của dự báo. Bỏ qua các cách thực hiện cụ thể thì dự báo từ khởi phát đến thời hiện đại đi qua các chặng đường từ bị động đến chủ động, nghĩa là ban đầu trông chờ vào dự báo phát ra từ thần thánh, (thường xuất hiện trong các giấc mơ để khuyên răn, chỉ dẫn và báo tương lai) đến việc quan sát các dấu hiệu được phát ra từ trời đất, vũ trụ mà chủ yếu là các sự vật, thiên nhiên, cây cỏ, động vật, và một bộ phận con người (mà chúng ta gọi là điềm triệu) để biết các xu thế, diễn tiến của tương lai, cuối cùng là việc con người chủ động sáng tạo ra dự báo để phòng trường hợp chưa kết nối được với thần linh hoặc chưa kịp quan sát các hiện tượng tự nhiên, họ sẽ dùng các biện pháp cụ thể để biết được trước kết quả tương lai. Dự báo từ đời sống đi vào văn học như một chất liệu kiến tạo nên nội dung và hình thức tác phẩm. Dự báo có tần suất xuất hiện đáng ngạc nhiên trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam (VXTSTĐVN), là một điều đáng lưu tâm (tần số lặp lại của dự báo là không hề nhỏ: chiếm hơn 1/3 số lượng được khảo sát - với 738 tác phẩm được khảo sát trong đó có 245 tác phẩm xuất hiện dự báo, chiếm 33,19%,) và trong đó có nhiều tác phẩm có sự xuất hiện lặp lại hoặc kết hợp nhiều phương thức dự báo khác nhau) (Frazer, 2007; Lévy-Bruhl, 2008).

Là một bộ phận của văn hóa trung đại, văn học trung đại không nằm ngoài qui luật chung, chịu ảnh hưởng của các hệ tư tưởng, tôn giáo Nho – Phật – Đạo trong quá trình phát triển. Tư tưởng kinh điển tôn giáo đã cung cấp cảm hứng, đề tài, chủ đề cho văn học trung đại. Những quan điểm này có quan hệ đến việc hình thành những đặc trưng về nội dung và hình thức nghệ thuật của văn chương trung đại. Vì vậy, muốn lý giải những vấn đề thuộc về bản chất, cái hay cái đẹp của tác phẩm văn chương thời trung đại tất yếu phải dựa trên những quan niệm nghệ thuật đặc thù về thế giới con người thời bấy giờ. Trên nền văn hoá tín ngưỡng bản địa đậm màu sắc Đông Nam Á, sự tiếp nhận tư tưởng Nho – Phật – Đạo càng làm cho văn hoá Việt Nam thêm đa dạng và phong phú. Đây cũng là một trong những tiền đề quan trọng hình thành nên dự báo trong văn hoá và văn học (Gurevich, 1996; Trần, 1999).

Tác giả liên hệ: Trần Thị Thanh Nhị;

Địa chỉ e-mail: tranthithanhnhii@dhsphue.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.102.2026>

2. NỘI DUNG CHÍNH

2.1. Nho giáo và dự báo

Về mặt lịch sử mà xét thì không thể xem *Nho giáo* là nguồn gốc sinh ra dự báo. Lập trường triết học của Khổng Tử là bất khả tri với "linh hồn giáo cổ đại". Thái độ bất khả tri này được khẳng định rõ ràng ở *Tuân Tử*, là người thừa kế mặt duy vật của Khổng Tử. Tuy vậy, chúng ta không thể phủ nhận sự tác động, ảnh hưởng của Nho giáo đến dự báo. Nho giáo thời Hán với sự xuất hiện của *Đổng Trọng Thư* đã đưa học thuyết này sang một hướng khác, không nặng về duy lý như trước mà có phần duy tâm. Trong *Xuân thu phồn lộ*, ông đã xiển dương thuyết "thiên nhân tương dữ". Như vậy, nếu Nho giáo thời Tiên Tần duy lý, ít tính chất thần bí thì đến Hán Nho, tính chất này được tăng lên qua *Đổng Trọng Thư*. Một trong những vấn đề quan trọng trong đó là nói đến vua và mệnh trời. Trời đặt ra cho xã hội loài người một quyền lực tối cao để thay trời hành đạo. Trời có thể thưởng phạt, khen chê thiên tử: "Khi thiên tử chịu mệnh trời hoặc có công đức thì trời sẽ xuất hiện những điềm lành biểu thị sự chúc mừng hoặc tán thưởng. Trái lại nhà vua không có đức không sửa sang chính sự để cho đất nước suy yếu, nhân dân oán sầu thì trời sẽ biểu hiện sự không đồng tình hoặc trừng phạt bằng các hiện tượng tự nhiên như động đất, nhật thực, nguyệt thực, bão tố" (Dẫn theo Lê Văn Quán) (Lê, 2008, p. 106). Theo *Đổng Trọng Thư*, con người phải thông qua các hiện tượng tự nhiên để hiểu được ý trời, mệnh trời. Sự biến thiên của tự nhiên luôn tuân theo những quy luật khách quan, tuy nhiên, với nhà Nho thì họ lại nhìn sự thay đổi của xã hội, sự thịnh vượng suy yếu mà gán ghép giải thích các hiện tượng tự nhiên để chứng minh các hoạt động của con người hợp ý trời. Quan niệm thiên nhân cảm ứng tương đối phổ biến ở Việt Nam thời trung đại. Sự tác động, ảnh hưởng của Nho giáo đến dự báo thể hiện rõ ở tư tưởng thiên mệnh đế vương; trời thông qua các điềm lành/ dữ để đánh giá đạo đức đế vương.

Vấn đề trung tâm của tác phẩm nói chung và các phương thức dự báo nói riêng viết dưới ánh sáng Nho giáo là truyền bá tư tưởng Thiên mệnh. Theo thuyết *Thiên mệnh* thì Trời là đại quân (vua) của trăm thần, còn đế vương trong trần gian lại là con của Thượng đế, là thiên tử, như vậy, dưới vòm trời, vua là người có quyền lực tối cao, có quyền uy đối với cả quỷ thần. Để khẳng định, củng cố vương vị, các tác giả trong cách ghi chép hay miêu tả chân dung nhân vật "con Trời" đã đưa ra những yếu tố dự báo tương lai thiên tử bằng phương thức tướng thuật. Điều đặc biệt trong công thức chân dung đế vương là bao giờ cũng xuất hiện rồng như là dấu hiệu của chân mệnh thiên tử: Mai Thúc Loan: "đầu hổ, mắt rồng, tay vượn" (*Hương Lãm Mai đế kí- Việt điện u linh tập*); Nhân tôn Hoàng đế: "vua trán cao mặt rồng" (*Đại Việt sử kí toàn thư*); hoàng tôn Lê Duy Kỳ: "mày rồng mắt phượng" (*Hoàng Lê nhất thống chí*) (Ngô, 2006). Một trong những vấn đề quan trọng của triết học cổ trung đại phương Đông nói chung, của Nho giáo nói riêng, là nói đến đức của nhân vật này, đề cao vai trò đức của người lãnh đạo tối cao trong xã hội phong kiến. Giữa đức đế vương và trời đất có sự cảm ứng bằng các phương thức dự báo lành/ dữ, chủ yếu qua điềm lành và tai dị. Trong *Đại Việt sử kí toàn thư* ghi chép khá đa dạng điềm lành xuất hiện như rồng hiện, vết chân thần hiện, có người dâng cống voi trắng, hổ trắng, hươu trắng, chim sẻ trắng, quạ trắng, rùa có chữ Hán trên mai. Trong đó motif rồng vàng hiện chiếm (tổng cộng 24 lần) có vẻ như được lạm dụng trong những phần sử liệu chép về triều nhà Lý ở nước ta. Nguyên do có thể như Ngô Sĩ Liên (dưới góc nhìn Nho gia) nhận định, các vị vua triều Lý đều ưa thích điềm lành, đặc biệt là các vua Lý Nhân Tông: "Mộ đạo Phật, thích điềm lành, đó là điều lụy cho đức tốt"; Lý Thần Tông: "quá thích điềm lành, tôn sùng đạo Phật, chẳng đáng quý gì". Bên cạnh rồng vàng thì loài rùa mắt có sáu ngườì, trên mai có chữ Hán cũng nhiều lần được ghi nhận (tổng cộng 13 ghi chép). Nội dung chữ Hán xuất hiện mai rùa được diễn giải hầu hết đều mang tính củng cố vương quyền, tôn vinh Hoàng đế như "thiên thư hạ thị thánh nhân vạn tuế", "vương công dĩ pháp", "nhất thiên vĩnh thánh", "thiên tử vạn niên. Điềm rồng và rùa xuất hiện trong các câu chuyện hay thời của đế vương được lý giải mang khuynh hướng với đạo đức của vua, những gì hợp Lễ, Nghĩa thì xuất hiện điềm lành. Nguyên nhân xuất hiện điềm lành, theo Hán Nho *Đổng Trọng Thư* quan niệm: "Vua ngay thì nguyên khí hòa thuận, mưa gió đúng lúc, sao sáng hiện, rồng vàng bay xuống. Vua không ngay thì trên trời, tặc khí xuất hiện", "Việc tốt kéo theo điều tốt, việc xấu kéo theo điều xấu, cùng phẩm loại thì tương ứng đầy lên". Đế vương sắp nổi lên thì điềm tốt đẹp thấy trước, đế vương sắp diệt vong thì sự yêu nghiệt cũng thấy trước". Chính vì vậy, các ghi chép về điềm lành cũng tương tự như ghi chép về điềm tai dị, đều được liên hệ trực tiếp tới nền đức chính của quân vương. Ngoài điềm lành thì điềm tai dị cũng thường xuất hiện trong việc thể hiện đức đế vương. Tai dị là những hiện tượng tự nhiên dị thường tai hại, được coi là sự răn đe của trời đất. Ở nước ta thời trung đại, các hiện tượng như nhật thực, nguyệt thực, sao Chổi, động đất, sao sa... đều được coi là hiện tượng tai dị, có liên hệ trực tiếp tới chính trị và sự tồn vong của vương triều. Lời tấu của các quan triều Lê Kính Tông ghi nhận: "Tai biến không phải bỗng dưng mà có, hẳn là bên trong có lỗi đức, bên ngoài có lỗi chính, kỷ cương lỏng lẻo, pháp lệnh trễ nải, quan lại hà khắc, dân chúng dao động, việc người có nhiều sự bất hòa mà đến thể chẳng" (*Đại Việt sử kí toàn thư*) (Nguyễn & Trần, 2014; Ngô, 1976).

2.2. Phật giáo với dự báo

Phật giáo là một tôn giáo trí tín, tất cả giáo lý Phật giáo đều có mục đích chung là nhằm khai mở trí tuệ của chúng sinh, giúp đỡ họ nhận thức đúng bản chất của thực tướng, từ đó đi đến giải quyết các phiền não khổ đau, đạt được giải thoát tự tại nên không thể mê tín dị đoan. Tuy nhiên, dần dần, trong quá trình hoằng dương Phật pháp, các tăng ni (nhằm mục đích thâm nhập vào đời sống người dân) đã nghiên cứu thêm các sách vở có liên quan đến dự báo để giúp chúng sinh, và phần nào cũng do đó mà truyền, giáo hoá về Phật pháp. Đây là một bước ngoặt quan trọng cho sự phát triển của dự báo. Mặt khác, Phật giáo lúc thâm nhập vào Việt Nam chịu sự chi phối của văn hoá tín ngưỡng bản địa và một mặt nào đó là sự hoà trộn với Đạo giáo đã góp phần làm nền tảng cho sự ra đời của dự báo: “Bên cạnh tư tưởng giải thoát bằng tâm linh thực nghiệm, chúng ta thấy trà trộn tư tưởng Dịch học có tinh thần ma thuật tướng số, pháp thuật thần thông hay tiên tri sấm kí là khuynh hướng rất thực tiễn, có hoài vọng chiếm đoạt huyền năng tạo hoá để phụng sự cho nền thịnh vượng quốc gia” (Nguyễn, 1991, p. 161). Dấu ấn của Phật giáo thể hiện trong VXTSTĐVN thể hiện ở hệ thống nhân vật mang chức năng dự báo; các triết lý, tư tưởng Phật giáo thể hiện trong dự báo.

Ở Ấn Độ, các nhà tiên tri thường là các tu sĩ Bà la môn, nhiều người trong số họ tu luyện đạt đến trình độ lục thông. Trong đó, trình độ thiên nhãn thông và túc mệnh thông có thể cho họ có khả năng nhìn thấy quá khứ, tương lai các đời của chúng sinh. Những dự báo của tiên tri thường nghiêng về dự báo tương lai cộng đồng hơn là cá nhân. Ở nước ta, một trong những hiện tượng văn hoá và văn học đáng quan tâm liên quan đến nhóm loại này là sấm kí của các cao tăng được ghi chép lại trong *Thiền uyển tập anh*. Các thiền sư, các anh kỳ hiếm thấy cũng là tác giả của các bài sấm kí (như Đại sư Khuông Việt, Ngô Chân Lưu, Trưởng lão La Quý An, Thiền sư Định Không, Đỗ Pháp Thuận, Nguyễn Vạn Hạnh...) với “phú bẩm anh di, tri kiến siêu quần”, thấu lẽ huyền vi, tuy xuất thế nhưng tấm lòng vẫn hướng về quốc gia dân tộc. Nội dung chủ yếu liên quan đến các sự kiện chính trị - xã hội quan trọng như về vận nước, sự thay đổi ngôi vua. Bao quanh, đi kèm các bài sấm kí trên bao giờ cũng là một không khí đậm màu sắc huyền thoại như điềm lạ, pháp khí, các sự kiện liên quan phong thủy. Dòng thơ sấm kí họ sáng tác thực sự gây thanh thế, lôi cuốn quần chúng, tạo dư luận cho sự thay triều đại.

Trong các dự báo cũng phản ánh các triết lý, giáo lý Phật giáo như nhân quả, luân hồi. Trong thế giới tương quan của hiện tượng, mỗi hiện hữu đều có nguyên nhân của nó: “*Nguyên nhân của sự có mặt của các hiện hữu gọi là nhân, và hiện hữu gọi là quả*”. Nhân quả có các loại: 1) Thời gian từ nhân đến quả rất nhanh gọi là nhân quả đồng thời (hiện báo); có loại có một khoảng thời gian ở giữa nhân và quả gọi là sinh báo; tạo nhân đời này nhưng đến đời sau (hoặc nhiều đời sau) mới nhận quả gọi là hậu báo: tạo nhân đời này nhưng đến nhiều đời sau mới thọ báo. 2) Một hình thức phân loại nhân quả khác nói lên sự biểu hiện của nghiệp quả ở hai lĩnh vực: thế giới vật lý (nhân quả ngoại giới) và cảnh giới tâm lý (nhân quả nội tâm). Giáo lý này dạy con người lánh xa các nghiệp ác và làm các nghiệp lành. Tư tưởng muốn biết nhân đời trước, nhìn vào kết quả thọ báo hiện tại, muốn biết kết quả thọ báo đời sau, nhìn vào những tạo tác hiện tại gần với nếp nghĩ “Gieo gió gặt bão” của người Việt. Những người thật thà, lương thiện, tu nhân tích đức chăm làm việc thiện sẽ được trời ghi nhận công lao và ban thưởng như con cái (*Vũ Duy Chí- Nam thiên trân dị tập*), tuổi thọ (*Chuyện gã trả đồng giáng sinh - Truyền kì mạn lục, Như Chi được thêm tuổi thọ - Bà tâm huyền kính lục*), công danh (*Chuyện Lê Kính- Nam thiên trân dị tập*). Những việc làm ác tưởng như chỉ người làm biết nhưng “Lưới trời lồng lộng, thưa mà khó lọt”, tất cả đều được trời đất, quỷ thần chứng giám. Việc người làm điều ác phải chịu trừng phạt, quả báo hoặc chính con cái, con cháu họ phải chịu thay phản ánh quan niệm: bố mẹ hiền lành để phúc cho con, đời cha ăn mặn đời con khát nước (*Chuyện Trạng nguyên xã Đình Kế - Công dư tiệp kí*). Quan niệm về luân hồi: Do có nghiệp báo, có nhân quả mà dẫn đến luân hồi. Luân hồi nghĩa là sự chuyển sinh, sự tái sinh sự đi đến, bánh xe sinh tử hay bánh xe chuyển sinh, diễn đạt đường sinh tử không có đầu không có đuôi, quay mãi như bánh xe quay tròn không tìm thấy điểm khởi đầu. Chúng sinh đi vào luân hồi bằng hai động cơ chính hoặc do nghiệp lực bị cuốn hút vào luân hồi một cách bị động, hoặc do nguyện lực (Chư Bồ Tát vì lòng đại từ bi thương chúng sinh mà đi vào sinh tử một cách chủ động). Nguyên nhân của luân hồi là do con người vô minh, mê mờ, tham ái không thấy rõ thật pháp vô ngã mà sinh ra, do lòng dục đưa tới sự luân hồi, gắn kết bởi thú vui và lòng tham muốn, tìm kiếm thú vui ở nơi này nơi khác, do đó chính là dục vọng đam mê tình ái, dục vọng đối với sự sống còn, dục vọng đối với sự diệt vong”. Theo quan niệm luân hồi thì những sự sinh đẻ và tồn tại kế tiếp nhau phải mang theo ảnh hưởng của những kết quả trong quá khứ và là sự chuẩn bị cho cuộc sống sau đó. Có nhiều kiểu, cấp độ đầu thai, tái sinh gắn với motif giấc mộng: Đầu thai, tái sinh biến hình từ động vật làm người. Hoa Viên là hóa thân con vượn mà Dương Giới gặp đạo trước trong mơ (*Việt Nam kì phùng sự lục*). Đồng Nhân trong thế giới mộng là một con bướm, lúc xuất hiện ở cõi trần thì biến thành người, làm vợ hầu cho Chu Sinh (*Duyên lạ hoa quốc- Thánh Tông di thảo*). Đặc biệt có sự lặp lại motif rắn biến thành người. Hoàng tử Hoàng Linh Lang (được báo trước trong giấc mộng người mẹ) là hóa thân của vua Thủy Tề, hoàng đế sai thác sinh vào làm con vua chờ giặc. Khi

đánh xong giấc liền biến thành thường luồng xuống nước (*Truyện Đền Linh Lang- Tang thương ngẫu lục*). Bà vợ Nhược Chân mộng thấy hai con rắn cắn vào mạng sườn rồi sinh ra hai con trai. Đó chính là Đào thị và Vô Kỳ hóa thân, dưới phép thuật của sư cụ biến chúng phải hiện nguyên hình thật là hai con rắn vàng (*Chuyện nghiệp oan Đào thị - Truyền kì mạn lục*). Nằm trong kiểu truyện đầu thai, tái sinh thường xuất hiện các motif giấc mộng Người đầu thai hóa thân kiếp khác có hai trường hợp: 1) Chủ động đầu thai xuống trần nhờ phép lực thần thánh. Đây là trường hợp các tiên đồng, ngọc nữ, thần tướng trên trời hoặc bị biếm trích, bị đày, hoặc được lệnh Phật, thượng đế thác sinh xuống trần để thực hiện nhiệm vụ nào đó. Sự thác sinh, đầu thai này thường vào những gia đình vương quyền hoặc hiem muộn qua giấc mộng của người bố hoặc mẹ. Trần Hưng Đạo là sự thác sinh của tiên đồng xuống trừ giặc Phạm Nhan; Vua Trần Nhân Tông, hoàng hậu, Mạc Đĩnh Chi là hóa thân, thác sinh của tiên đồng, ngọc nữ xuống trần gian làm vua, hoàng hậu, bề tôi nước Nam (*Việc lạ đời Hồng Đức- Dã sử*). Giáng tiên (*Chuyện Nữ thần ở Vân Cát - Truyền kì tân phả*) là nàng tiên bị Thượng đế phạt xuống trần. Sư Huyền Quang (*Tam tổ thực lục*) là sự thác sinh của Anan tôn giả xuống làm pháp khí nước Nam. 2). Đầu thai theo luật nhân quả: sư Huyền Minh (*Chuyện Chùa Quang Minh làng Hậu Bổng- Công dư tiệp kí*) biết trước sẽ đầu thai làm Hoàng đế vì Phật hiện lên trong mộng báo ông có tấm lòng từ bi và có công với Phật giới nên kiếp sau được làm vua. Lan và Sinh (*Đào hoa mộng kí*) cùng chung mộng thấy mấy chục hoa thần bái lạy tạ ơn và chỉ rõ cho biết những người đang tái sinh trong kiếp luân hồi (Trần, 1997).

2.3. Đạo giáo với dự báo

Đạo giáo vào Việt Nam mang đầy đủ hai trường phái thần tiên và phù thủy. Với những lễ hiến tế ma thuật, sùng bái phép thuật thì Đạo giáo phù thủy đã tìm ngay được sự tương đồng nên đã nhanh chóng thâm nhập vào lớp tín ngưỡng bản địa. Người Việt tin vào các lá bùa, thần chú chữa bệnh tà ma nên rất tin vào các thầy mo, thầy cúng, pháp sư. Khi tiếp hợp Đạo giáo, tín ngưỡng bản địa được lên khuôn, việc dùng bùa phép, đuổi tà ma càng được tin hơn. Các thuật xem bói toán, xem phong thủy của Đạo giáo trở nên phổ biến trong đời sống tinh thần người Việt. Trong thế giới quan tâm linh người Việt, họ tin rằng số mệnh con người là do thần linh sắp đặt, từ đó dẫn đến tâm lý muốn biết trước tương lai vì thế họ coi trọng những điều phán bảo của các Đạo nhân. Quan niệm trời đất đều có linh khí, sùng bái trời đất và kính ngưỡng tổ tiên, ông bà đã tạo điều kiện cho thuật phong thủy có chỗ đứng vững vàng trong đời sống người dân. Triết học Lão Trang, triết học biện chứng tự nhiên, lại đặc biệt nhấn mạnh sự biến hoá qua lại giữa hai mặt đối lập, những hiện tượng pháp thuật phù phép để giúp ích cho cuộc sống. Theo đó, âm và dương, hoa và phúc, thực và hư, nhược và cường, chân và ảo, v.v... là một loạt những cặp phạm trù có thể được nhìn dưới quan điểm biến dịch. Dấu ấn của Đạo giáo trong VXTSTĐVN thể hiện rõ trên các mặt như: tư tưởng, triết lý Đạo giáo, dự báo mang đậm tính đồng cốt, bùa phép, ma thuật.

Triết lý về Đạo giáo được những nhân vật hành đạo giảng giải trong quá trình dự báo cho số phận nhân vật. Lê Nhân Tông được Tiên hé lộ gốc tích là tiên trên cõi trời và dự báo tương lai sẽ là người được nhận nhiều ân phúc nhất trong các vua triều Lê. Dẫu vậy, vị tiên này cũng đã đưa ra sự so sánh để thấy việc thụ hưởng vương quyền ở thế gian chẳng đáng gì so với việc tu tiên, cầu đạo, đắc đạo: “Kìa đài cao...lầu rồng...không phải là không cao quý nhưng so với xe mây ngựa hạc, sáng đón mặt trời bẻ khơi, chiều trông mây núi ở Vu Giáp, thì đằng nào phóng khoáng hơn? Hải vị sơn hào...nhưng so với rượu ngọc chén quỳnh ắn tinh hoa của muôn loài cây cỏ, cùng những thứ bàn đào ba ngàn năm khai hoa, ba ngàn năm kết quả thì đằng nào quý giá hơn? Núi non gấm vóc, ta làm ông chủ; đất sạch, dòng trong, ta làm chỗ nghỉ...lá sen làm áo, mo rụng làm mũ, áo trời không phải may mà đường khâu tuyết diệu” (Trần, 1997a, pp. 595-596). Đối lập với cảnh sông phàm trần: “Kìa những người nát óc nhọc thân, một ngày muôn việc...chỉ những lo nghĩ mà già” (Trần, 1997a, p. 595) (*Gặp tiên ở hồ Lăng Bạc- Thánh Tông di thảo*). Những tư tưởng này phản ánh triết lý của Đạo là thuận theo lẽ tự nhiên, sống gần gũi hòa mình vào đó như ăn thức ăn của thiên nhiên ban tặng, không làm gì trái quy luật thiên nhiên, gạt bỏ hết tham vọng cá nhân, hướng đến Đạo.

Dự báo trong VXTSTĐVN liên quan đến đồng cốt có nhiều dạng kiểu, nhưng nổi bật lên là giáng bút. Giáng bút là một hiện tượng saman giáo trong văn hóa Việt có từ hàng trăm năm trước, đó là những vần thơ của các vị tiên, thánh. Cách diễn ra của giáng bút được coi là sự nhập thần của tiên thánh vào người cầu cúng, ra lời chỉ bảo bằng thơ văn. Họ nhập đồng sau lời cầu xin và thông qua họ, tiên thánh ra chữ lên mặt chiếc mâm đồng rải gạo; có người thạo chữ nghĩa ngồi nhìn hình được vẽ đoán chữ rồi ghi thành văn tự. Lời văn thơ trong giáng bút thường khoáng hoạt, đôi lúc ẩn ý, người đọc phải đoán định về ý tứ tiềm ẩn của thần thánh qua từng câu chữ. Thường giáng bút của thần tiên phần nhiều là nhắc bảo và răn dạy người, cùng thông báo niềm vui và cảnh báo về kiếp nạn. Dự báo thông qua giáng bút dưới hình thức tâm linh có tính xã hội tích cực vì nội dung của các bài thơ giáng bút là lời răn dạy, cảnh báo để người nghe phải đề phòng về tương lai mà sửa mình thể hiện trong hai tác phẩm *Tiên giáng bút vạch chuyện giấu giấu* và *Lòng thành giữ được lái thuyền* (Bà tâm huyền kính lục). Dự báo thông qua lên đồng thánh (ma) nhập giúp lý giải nhiều vấn

đề của cuộc sống như nguyên nhân của những chuyện bất tường (ốm đau, tai vạ...). Có nhiều kiểu như ộp đồng (nhập đồng tự nhiên – thánh thần tự nhập) và tạo môi trường cầu cho thánh thần nhập để dự báo tương lai. Những thông tin được báo trong nhập đồng thường liên quan đến sức khoẻ, sự kiện bất thường cần giải quyết.

Phép thuật, bùa chú thường xuất hiện trong CPTDB như một cách để giúp cho dự báo sớm xảy ra. Quý Kính bị bệnh mãi không khỏi bèn nhờ thầy số xem giúp. Người thầy số không chỉ phán truyền mà còn làm một việc mang tính ma thuật rất rõ, dùng chữ viết đề vào trong số cục (tử vi) tám chữ: “*Cán truyền tạo hóa, trụ thạch cần khôn*”, quả nhiên bệnh khỏi (*Cổ quái bốc sư truyện*). Như vậy, việc dự báo không chỉ dừng lại ở hành vi thông báo tương lai, mà việc viết chữ cũng góp phần làm cho dự báo trở thành hiện thực. Việc viết chữ thể hiện tính ma thuật vì nó truyền năng lượng, ý chí, suy nghĩ của người viết cho người nhận.

Bùa chú hoặc các pháp cụ hỗ trợ dự báo: Xuất hiện cùng với CPTDB là bùa chú và các pháp cụ hỗ trợ (có sức mạnh siêu nhiên) trong VXTSTĐVN phần nào phản ánh đời sống văn hoá lúc bấy giờ. Để giải quyết những vấn đề khó khăn của cuộc sống thực, con người sử dụng những sức mạnh của tâm linh siêu nhiên. Ông Võ Công Trấn viết đùa ở khoảng không hai chữ “tróc phọc” để bắt yêu tinh, khi yêu nữ chịu tiết lộ tương lai ông mới viết vào khoảng không một chữ “giải” (*Ông Võ Công Trấn*). Hành động viết chữ trên không trung của nhân vật kể trên là một trong những cách thực hành hành động có tính phép thuật, xuất hiện trong Mật tông và các tín ngưỡng đạo giáo phù thủy dân gian, đây là hành động vẽ bùa. Ngoài ra, tùy vào sự tu luyện của mỗi pháp sư mà mỗi người có một loại pháp cụ làm phép riêng như Đạo sĩ trong *Truyện Lý Tương quân - Truyện kì mạn lục* dùng chùm hạt châu nhỏ để Lý tướng quân thấy cảnh tương lai bị xử tội ở âm phủ. Để làm cho Thái bà chóng sinh, đạo nhân dùng cái bùa ngọc để đưa Thái ông vào mộng lên thiên đình (*Truyện nữ thần ở Vân Cát - Truyện kì tân phả*).

Ma thuật, phép thuật bùa chú có chung nguyên lý là truyền năng lượng đến một đối tượng nhằm đạt một kết quả nào đó theo mục đích định sẵn. Có những trường hợp sử dụng việc tác động, lây truyền, tiếp xúc nhưng có nhiều trường hợp để ngăn cản sự tác động, lây truyền đó người ta phải dùng những cách trấn yểm để kìm hãm hoặc phá huỷ nó. Công cụ để trấn phá thường liên quan đến sắt. Khảo sát những tác phẩm trong văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam ta thấy để ngăn cản, trấn yểm, kìm giữ hay phá hoại người ta thường dùng đến kim loại, phổ biến nhất là sắt, đặc biệt là sắt đã được đúc thành những vật có ý nghĩa thực và tượng trưng cao như gương, búa, vòng sắt... càng có tác dụng ma thuật. Hiểu đúng bản chất của phong thủy có thể thấy đó là một dạng ma thuật vi lượng, dùng năng lượng lây truyền từ thiên nhiên để tác động vào cuộc sống con người. Trong truyện *Đinh Tiên Hoàng kí - Công dư tiệp kí*, Đinh Tiên Hoàng lừa người khách Tàu để lấy được ngôi huyệt quý hình con ngựa dưới đáy đầm. Để phá huyệt, người khách Tàu tặng một thanh gương, đem xuống treo ở cổ ngựa với lời giải thích lừa mị nhưng nghe có vẻ có lý là để Đinh Tiên Hoàng sẽ được dọc ngang trời đất, đánh đâu được đấy. Rõ ràng đây là một dạng ma thuật phá hoại, vì nhờ đặt tiên phần trong mồm ngựa mà Đinh Tiên Hoàng làm nên nghiệp lớn. Đặt kiếm sắt treo cạnh cổ ngựa khác nào trăm mã, làm ngôi mộ hết thiêng. Vì thế mà sau này Đinh Tiên Hoàng và con bị ám hại. Cao Biền từng đi khắp các nơi núi non sông biển nước ta xem những nơi nào có vương khí linh thiêng thì tìm cách cất yểm đi, ý là muốn cướp đoạt nước Nam ta. Cao Biền thấy trên núi có khí thiêng bèn đào hào phía sau chân núi để cắt mạch, khiến cho linh thiêng về sau không quy tụ được (*Nam triều công nghiệp diễn chí*) (Nguyễn, 2003). Đào hào không chỉ cắt mạch mà ở đây là có sự tác động của kim khí, và chắc chắn tuy không được ghi chép nhưng thường bao giờ cũng đi liền với trấn yểm sắt trong đất để trấn linh khí. Vì thế, trong *Lĩnh nam chích quái* truyện *Thần núi Tản Viên* có chi tiết thể hiện ma thuật trấn yểm rất rõ (của một bậc thầy pháp sư lừng lẫy Cao Biền): “*Ở những nơi có linh khí mạnh Biền còn dựng đền, đắp tượng thờ, rồi lấy đồng sắt chôn để trấn áp*” (*Quảng lợi thánh hựu uy tế phu ứng đại vương*). Biền còn mổ bụng mười bảy người, tất cả đều là con gái chưa chồng, bỏ ruột đi, lấy cỏ chi độn vào ruột, cho mặc xiêm áo để ngồi trên ghế ý, dùng trâu bò mà tế, nhằm lúc nào thấy cử động thì lấy gương chém đi. Phàm muốn đánh lừa các thần đều dùng thuật ấy. Cao Biền thường lấy thuật ấy trên thần núi Tản Viên thì thấy vương cưỡi ngựa trắng đứng trên mây, khạc nhổ mà đi (*Thần núi Tản Viên*). Sau này, một bậc hậu sinh của Cao Biền khi sang nước Nam tìm được huyệt đất quý để vương giao cho họ Trần đã làm một bản giao kèo. Cuối đời thì vua Trần đổi đãi kém từ tế bèn đem di thư để lại đưa cho vua Trần xem sấm thư nói ngôi mộ phát tích ở Thái Đường nay sắp hết thịnh, cần phải khơi thông thủy đạo, thì mới giữ được lâu dài. Vua Trần tin lời ấy, bèn chiêu theo họa đồ ở sấm thư đào một thủy đạo từ sông Cái xã Phú Xuân đi vào, quanh đến xã Thái Đường. Không ngờ đào đứt long mạch, họ Trần bèn suy, rồi bị Xích thủy hầu thoán đoạt (*Truyện mộ tổ nhà Trần - Công dư tiệp kí*).

3. KẾT LUẬN

Qua khảo sát dự báo trong VXTSTĐVN có thể thấy sự ảnh hưởng, dấu ấn đậm nét của tư tưởng tam giáo tập trung vào các vấn đề chủ yếu như: tam giáo là một trong những cơ sở nền tảng cho sự hình thành dự báo

trong văn học và văn hoá Việt. Biểu hiện vào văn học, dấu vết của tam giáo ở dự báo thể hiện ở hệ thống nhân vật mang chức năng dự báo; các tư tưởng, triết lý; thực hành tâm linh được thể hiện trong dự báo. Do sự tiếp nhận tam giáo trên nền văn hoá bản địa có cơ tầng Đông Nam Á nên biểu hiện của tam giáo vào dự báo Việt nói chung dự báo trong VXTSTĐVVN nói riêng mang đậm dấu ấn văn hoá, lịch sử Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Frazer, J. G. (2007). *Cảnh vàng: Bách khoa thư về văn hóa nguyên thủy* (N. B. Lâm, Dịch). Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin.
- Gurevich, A. J. (1996). *Các phạm trù văn hóa trung cổ* (H. N. Hiến, Dịch). Nhà xuất bản Giáo dục.
- Lévy-Bruhl, L. (2008). *Kinh nghiệm thần bí và biểu tượng ở người nguyên thủy* (N. B. Lâm, Dịch). Nhà xuất bản Thế giới.
- Lê, V. Q. (2008). *Chu Dịch vũ trụ quan*. Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin.
- Ngô, G. V. P. (2006). *Hoàng Lê nhất thống chí* (N. Đ. Vân & K. T. Hoạch, Dịch; T. Nghĩa, Giới thiệu). Nhà xuất bản Văn học.
- Ngô, S. L. (1976). *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Nguyễn, Đ. T. (1991). *Lịch sử triết học phương Đông* (5 tập). Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn, H. S., & Trần, Q. Đ. (2014). Thần hóa và vương quyền qua bút pháp vu sử trong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (11), 100–112.
- Nguyễn, K. C. (2003). *Nam triều công nghiệp diễn chí* (N. Đ. Thọ & N. T. Nga, Giới thiệu). Nhà xuất bản Hội Nhà văn.
- Trần, Đ. H. (1999). *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- Trần, N. (Chủ biên). (1997a). *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam* (Tập 1). Nhà xuất bản Thế giới.
- Trần, N. (Chủ biên). (1997b). *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam* (Tập 2). Nhà xuất bản Thế giới.
- Trần, N. (Chủ biên). (1997c). *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam* (Tập 3). Nhà xuất bản Thế giới.
- Trần, N. (Chủ biên). (1997d). *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam* (Tập 4). Nhà xuất bản Thế giới.

Colors of the three teachings in Vietnamese forecast (Survey in Vietnamese medieval narrative prose)

Tran Thi Thanh Nhi

University of Education, Hue University

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<i>Article history:</i> <i>Received: 26 June 2024</i> <i>Received in revised form: 22 July 2024</i> <i>Accepted: 29 July 2024</i> <i>Published: 20 June 2026</i> <i>Keywords:</i> <i>Forecast;</i> <i>Three Teachings;</i> <i>Destiny;</i> <i>Magic;</i> <i>Spells.</i> <i>Corresponding author:</i> Tran Thi Thanh Nhi E-mail address: tranthithanhnhhi@dhsphue.edu.vn	The predicted need is a human consciousness or mind. Forecasts were very diverse in types but could be classified into three large groups: to observe existing natural phenomena, to contact the divine supernatural world and to create systems of methods to predict the future. The above diversity of forecasts stemmed from the variety of cultures. One of the basic and fundamental premises for the formation of Vietnamese forecasts in general and in Medieval Narrative Prose in particular were Confucianism, Buddhism and Taoism. They were expressed in literature in character systems with predictive function; in ideas and philosophies and in spiritual practicing of prediction. Having origin from the reception of the Three Teachings, especially Taoism based on the underlying indigenous Southeast Asia culture, those expression in Vietnamese forecasts also had deep marks of culture and history in our country's.